

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HSST

Ngày 02/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Tấn và Ông Lê Đăng Tương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Hải – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/ 2021/ HSST ngày 21/ 10/ 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/ 2020/ QĐXXST – HS ngày 07/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐ-PT ngày 18/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn H, sinh ngày: 21/4/1999 tại Bắc Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quế Sơn, xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn X và bà Đặng Thị P; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 26/4/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Văn T, sinh ngày: 07/8/1981.

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang V và bà Hồ Thị Hồng H; có vợ Y V và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân xấu: Ngày 21/12/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 09 tháng tù về tội ‘*Làm nhục người khác*’ và 05 năm tù về tội ‘*Cướp tài sản của công dân*’, đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 26/4/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

1. Chị Y H1, sinh năm 2000.

Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (có mặt).

2. Chị Triệu Thị Hồng H2, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: thôn 8, xã Đ, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (có mặt).

3. Chị Lê Thị Bích Th, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn Trung Thành, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (có mặt).

4. Chị Trần Thị Diễm M, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn Kon Tum Kơ Pong, xã W, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Quang N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 254 Trần Hưng Đạo, P. Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

2. Lê Quang Ph, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: 721 Phạm Văn Đồng, P. Trần Hưng Đạo, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

3. Anh A K, sinh năm:.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đăk Blà, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

- Những người làm chứng:

1. Anh Nông Văn Ng, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (có đơn xin vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Đắc Th, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: thôn KonDrê, xã Đăk Blà, T phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

3. Anh Tạ Minh Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: thôn 6, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác: Chị Đàm Thị Thanh Tr.

Địa chỉ: 287 Trần Hưng Đạo, P. Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 05/03/2020 đến ngày 19/04/2020, bị can Dương Văn H và bị can Đặng Văn T đã thực hiện liên tiếp 04 vụ chiếm đoạt tài sản của người

dân trên địa bàn T phố Kon Tum, huyện Kon Rẫy và huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11 giờ ngày 05/03/2020, Dương Văn H đang điều khiển xe mô tô biển số 12F2 - 8775 đi trên đường liên thôn Kon Tum Kơ Pong - xã Đăk Rơ Wa - thành phố Kon Tum đến nhà Y Xuyên tại thôn K - xã Đăk Blà - thành phố Kon Tum thì gặp chị Trần Thị Diễm M điều khiển xe mô tô đi ngược chiều. Thấy đoạn đường này cây cối rậm rạp, không có dân cư và ít người qua lại nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị M; H điều khiển xe mô tô quay lại đuôi theo chị M, rồi vượt lên chặn đầu xe của chị M và nói “*Có tiền không, xin ít?*”. Chị M nói với H: “*Em đi đón chồng không mang theo tiền*”. Nghe vậy, H quay xe lại bỏ đi thì nhìn thấy trên tay của M có đeo một chiếc nhẫn kim loại màu vàng nên H tiếp tục quay xe lại đuôi theo M. Thấy H đuôi theo thì chị M sợ nên không làm chủ được tay lái và bị ngã xe, rồi chị M bỏ xe mô tô lại và chạy bộ trên đường được một đoạn thì H đuôi kịp. H ngồi trên xe nói với chị M: “*Kéo quần xuống cho xem tí*”, do đang hoảng sợ nên chị M đã làm theo lời H. Khi chị M cúi người để kéo quần của mình xuống thì H thấy trên cổ chị M có sợi dây chuyền kim loại màu vàng, nên H xuống xe và đi vòng ra phía sau lưng chị M dùng tay giật đứt lấy sợi dây chuyền đeo trên cổ chị M, rồi nhanh chóng lên xe mô tô điều khiển xe về nhà Y Xuyên (là người đang chung sống với H như vợ chồng) tại thôn K, xã Đăk Blà, T phố Kon Tum. Đến 15 giờ cùng ngày, H mang sợi dây chuyền đã chiếm đoạt được của chị M đến tỉnh Gia Lai bán cho một người không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) và H đã dùng số tiền này tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06/04/2020, bà Triệu Hồng H2 điều khiển xe mô tô đi làm rẫy. Khi đến đường bê tông liên thôn thuộc thôn 10, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy thì gặp Dương Văn H điều khiển xe mô tô biển số 12F2-8775 đi ngược chiều. Thấy bà H2 đi xe mô tô một mình nên H quay đầu xe mô tô đuôi theo bà H2, H chạy xe vượt lên trên xe mô tô của bà H2, rồi quay đầu xe chặn xe bà H2 dừng lại. Khi bà H2 dừng xe mô tô lại, H nói với bà H2: “*Cô ơi cho cháu xin ít tiền đồ xăng*”, Bà H2 nói với H: “*Đi làm không có tiền*”. Lúc này, H nhìn thấy trong túi áo khoác của bà H2 có 01 chiếc điện thoại di động (loại nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng đồng) nên đưa tay vào lấy, bà H2 nín, giữ vai H lại, nhưng H tăng ga xe bỏ chạy.

Sau đó, H điều khiển xe mô tô về nhà Y X tại thôn K, xã Đăk Blà, T phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, rồi tháo hai sim trong điện thoại của bà H2 ra vứt bỏ và đem chiếc điện thoại này cất giấu trong đồng quần áo để không ai biết. Đến trưa ngày 07/04/2020, H đem chiếc điện thoại đã chiếm đoạt được của bà H2 đến cửa hàng điện thoại di động Nhật Vũ tại địa chỉ 254 Trần Hưng Đạo, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum để bán; Anh Lê Quang Ng là chủ cửa hàng điện thoại di động Nhật Vũ hỏi H: “*Điện thoại ở đâu đây*”, H trả lời: “*Điện thoại nhặt được*”. Sau khi kiểm tra thấy điện thoại có mặt khóa, anh Ng nghĩ điện thoại này do H nhặt được nên đồng ý mua với giá 1.400.000 đồng. Ngày 18/04/2020, anh Ng đã bán lại chiếc điện thoại trên cho một người không rõ tên và địa chỉ với giá 2.300.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 12/4/2020, Dương Văn H điều khiển xe mô tô mang biển số 12F2-8775 đi từ nhà chị Y X (tại thôn K, xã Đăk Blà,

thành phố Kon Tum) đến huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Khoảng 16 giờ 25 phút cùng ngày, H tới đoạn đường liên xã Đăk La, huyện Đăk Hà đi xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum thuộc địa phận thôn 2, xã Đăk La, huyện Đăk Hà (*cách khu vực đập nước tại đây khoảng 01 Km*) thì gặp chị Lê Thị Bích Th đang điều khiển xe mô tô đi ngược chiều, H thấy chị Th đi một mình và đoạn đường này vắng người qua lại, nên H quay xe lại đuổi theo chị Th, rồi chạy vượt lên trên chị Th một đoạn và quay đầu xe lại để chặn xe của chị Th. Thấy vậy, chị Th cho xe dừng lại và ngồi trên xe mô tô của mình, H xuống xe đi đến chỗ chị Th và nói “*Chị ơi cho xin ít tiền đồ xăng*”, chị Th lấy trong túi quần bên phải số tiền 150.000 đồng đưa cho H, H lấy số tiền trên và tiếp tục hỏi chị Th: “*còn không?*”, đồng thời nhìn thấy trên gác бага (*phần sắt ở giữa yên và cổ xe*) xe mô tô của chị Th có 01 chiếc túi xách, nên đến lục lấy toàn bộ số tiền 1.000.000 đồng bên trong ví nhỏ, rồi bỏ lại ví nhỏ và túi xách, còn rơi lại bên trong số tiền 50.000 đồng.

Sau đó, H kéo khẩu trang của chị Th lên, dùng tay sờ vào cổ và tháo găng tay chị Th ra để tìm tài sản nhưng không có; H tiếp tục lục soát trong túi áo khoác và lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 của chị Th, rồi mở điện thoại nhưng có mật khẩu, nên H hỏi chị Th “*mật khẩu là gì*”, chị Th đọc mật khẩu điện thoại của mình là: “080912” cho H. Sau khi mở được khóa màn hình điện thoại, H rút chìa khóa xe của chị Th; lúc này, có người đi xe mô tô trên đường đến vị trí của H và chị Th, chị Th la lên “*anh ơi nó cướp hết của em rồi*” nhưng người đi xe mô tô không dừng lại. Thấy vậy, H nổ máy xe mô tô bỏ chạy ra hướng Quốc lộ 14, vút chìa khóa xe của chị Th xuống đường, rồi H tiếp tục bỏ chạy về nhà Y Xuyên. Đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, H đem chiếc điện thoại đã chiếm đoạt được của chị Th đến Cửa hàng điện thoại Đăng KH2 2 ở T phố Kon Tum bán với giá 1.500.000 đồng, rồi tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Vào sáng ngày 19/04/2020, Dương Văn H điều khiển xe mô tô BKS 12F2-8775 chở bị can Đặng Văn T đi chơi. Sau đó, T rủ H đi lên huyện Kon Rẫy tìm kiếm những người phụ nữ đi trên những đoạn đường vắng để chiếm đoạt tài sản. T chỉ đường cho H điều khiển xe mô tô đi đến xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, khi đến lô cao su thuộc thôn 01, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy; H điều khiển xe mô tô đi vào bên trong được khoảng 01 km, rồi dừng lại hút thuốc lá. Khoảng 10 phút sau, H phát hiện chị Y H1 đang điều khiển xe mô tô đi vào trong lô cao su, nên H điều khiển xe mô tô chở T đuổi theo chị Y H1, rồi vượt lên chặn đường chị Y H1 dừng lại, T xuống xe mô tô dùng tay đặt lên đầu xe mô tô của chị Y H1, còn H ngồi trên xe mô tô của mình nói với chị Y H1: “*có tiền không? Cho ít tiền đồ xăng*”, chị Y H1 trả lời: “*có 25 ngàn thôi*”. Lúc này, T và H phát hiện trong túi áo khoác ngoài bên phải của chị Y H1 có đồ vật giống điện thoại nên T hỏi: “*kia là điện thoại phải không?*”, chị Y H1 lấy điện thoại loại nhãn hiệu Huawei Honor 9 Lite, màu xanh ra cầm trên tay, T nói: “*đưa điện thoại đây*”; chị Y H1 nói với T: “*cho em xin*”, rồi lấy số tiền 25.000 đồng đưa cho H, nhưng H không lấy, H đến rút chìa khóa xe mô tô của chị Y H1 và T nói: “*Bây giờ muốn máy xe hay mất điện thoại*” thì chị Y H1 im lặng. T lấy chiếc điện thoại chị Y H1 đang cầm trên tay, còn H nói với chị Y H1: “*đi bộ lên 100 m để lấy chìa khóa xe*” và điều khiển xe mô tô chở T đi.

Chị Y H1 đi bộ theo sau xe T và H để lấy chìa khóa xe mô tô của mình. T và H đi được một đoạn đường, H nói T kiểm tra xem chiếc điện thoại lấy của chị Y H1 có mật khẩu không, T kiểm tra điện thoại của chị Y H1 có mật khẩu nên nói với H, rồi T xuống xe, còn H điều khiển xe mô tô quay lại hỏi chị Y H1 mật khẩu. Khi gặp chị Y H1, H hỏi: “*mật khẩu điện thoại là gì?*”, Y H1 trả lời: “*H1*”, rồi H điều khiển xe mô tô đi chở T về T phố Kon Tum và vớt lại chìa khóa xe mô tô của chị Y H1 trên đường. Sau đó, T và H mang điện thoại đã chiếm đoạt được của chị Y H1 đến cửa hàng Điện thoại Rẻ ở phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum để bán, anh Lê Quang P là nhân viên của cửa hàng hỏi H: “*Sao không xài mà bán?*” thì H trả lời: “*không xài thì bán thôi*”, khi kiểm tra thấy điện thoại không có mật khẩu, cũng như dữ liệu và hình ảnh, nên anh P đồng ý mua với giá 900.000 đồng, H đưa cho T 350.000 đồng, còn H giữ 550.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 20/04/2020, cửa hàng Điện thoại Rẻ đã bán lại chiếc điện thoại này cho cặp vợ chồng không rõ lai lịch và địa chỉ với giá 1.100.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản là tang vật của vụ án số: 54/KL-ĐGTS ngày 11/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Hà kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, loại A7, màu vàng đồng của chị Lê Thị Bích Th có giá trị xác định là 2.994.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm chín mươi bốn ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản là tang vật của vụ án số: 04/HĐĐG ngày 20/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kon Rẫy kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, loại HONOR 9 LITE của chị Y H1, có giá trị xác định là 3.932.000 đồng (*Ba triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản là tang vật của vụ án số: 06/HĐĐG ngày 22/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kon Rẫy kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 của bà Triệu Hồng H2 có giá trị xác định là 2.816.000 đồng (*Hai triệu, tám trăm mười sáu ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản là tang vật của vụ án số: 46/ĐG-TS ngày 08/07/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Kon Tum kết luận: Giá trị sợi dây chuyền của chị Trần Thị Diễm M tại thời điểm bị chiếm đoạt là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*).

Vật chứng vụ án: Đối với vật chứng: 01 xe mô tô BKS 12F-8775, loại xe Dream, màu nâu, số máy 00041119, số khung 00041119. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Kon Rẫy trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ông A K.

- Đối với các đồ vật: 01 áo thun dài tay, thân áo có màu đen, hai cánh tay áo dài, trên hai cánh tay áo có các họa tiết màu trắng, xanh lục, áo đã cũ; 01 quần dài, ống đứng, màu đen, đã cũ; 01 quần Jean, màu xanh da trời, ống đứng, đã cũ; 01 áo thun mỏng, màu đen, loại áo không có tay áo, phía mặt trước áo có hình người, áo đã cũ; 01 áo khoác dài tay, phần thân áo làm bằng vải Jean, màu xanh da trời, hai cánh tay áo làm bằng vải thun, màu đen, trên hai cánh tay áo may họa tiết màu trắng, áo đã, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo Dương Văn H và Đặng Văn T.

- Đối với sợi dây chuyền mà bị cáo Dương Văn H đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Diễm M; chiếc điện thoại di động loại nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng, bị cáo Dương Văn H đã chiếm đoạt của chị Triệu Hồng H2; chiếc điện thoại di động loại nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng đồng, bị cáo Dương Văn H đã chiếm đoạt của chị Lê Thị Bích Th; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Honor 9 Lite, màu xanh, bị cáo Dương Văn H và Đặng Văn T đã chiếm đoạt của chị Y H1. Tất cả các loại tài sản này bị cáo H đã chiếm đoạt rồi bán cho một số người nhưng không rõ lai lịch và địa chỉ hoặc bán cho một số tiệm điện thoại, nhưng sau đó tiệm điện thoại lại bán cho người không rõ lai lịch và địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Triệu Thị Hồng H2 yêu cầu H đền lại cái điện thoại giống cái đã mất hoặc đền tiền mặt 2, 8 triệu - 3 triệu.

Bị hại Y H1 yêu cầu bị cáo H và bị cáo T bồi thường cho chị 01 điện thoại mới giống với điện thoại do các bị cáo chiếm đoạt.

Bị hại Lê Thị Bích Th yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 4.094.000đ (bao gồm tiền mặt và tiền điện thoại di động do bị cáo H chiếm đoạt).

Bị hại Trần Thị Diễm M yêu cầu bị cáo H bồi thường cho chị số tiền 5.000.000đ là tiền sợi dây chuyền bị cáo H chiếm đoạt của chị.

Ngoài ra các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy truy tố bị cáo Dương Văn H về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự và tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đặng Văn T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Dương Văn H và Đặng Văn T hoàn toàn thống nhất với hành vi phạm tội của mình theo như bản cáo trạng. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo như yêu cầu của các bị hại.

Các bị hại Y H1, Triệu Thị Hồng H2 và Lê Thị Bích Th có mặt tại phiên tòa có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo đúng quy định của pháp luật, không xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố số 11/CT-VKS ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 170, Khoản 1 Điều 171, Điều 38; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Văn H từ 30 - 36 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và 36 - 42 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Dương Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 66 - 78 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017, đề nghị bị cáo Đặng Văn T từ 28 - 32 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 3, các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Dương Văn H bồi thường cho chị Triệu Hồng H2 số tiền 2.900.000đ, bồi thường cho chị Y H1 số tiền 1.966.000 đồng (*một triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*), bồi thường cho chị Lê Thị Bích Th số tiền 4.094.000 đồng (*bốn triệu, không trăm chín mươi bốn ngàn đồng*), bồi thường cho chị Trần Thị Diễm M số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Bị cáo Đặng Văn T bồi thường cho chị Y H1 số tiền 1.966.000 đồng (*một triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*).

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo Dương Văn H và bị cáo Đặng Văn T đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kon Rẫy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng:

Bị hại - chị Trần Thị Diễm M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ vụ án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không cản trở việc xét xử nên căn cứ vào các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Về tư cách tham gia tố tụng: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử, xác định chị Đàm Thị Thanh Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại chị Tr chỉ là người tham gia tố tụng khác chứ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Xét thấy: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai các bị hại Trần Thị Diễm M, Triệu Hồng H2 và Y H1; phù hợp với hiện trường vụ án, với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận:

[4] Trong thời gian từ ngày 05/03/2020 đến ngày 19/04/2020, bị cáo Dương Văn H và bị cáo Đặng Văn T đã tìm những đoạn đường vắng người qua lại và không có dân cư sinh sống thuộc các địa bàn thành phố Kon Tum, huyện Đắk Hà, huyện Kon Rẫy - tỉnh Kon Tum để tìm chặn xe những người phụ nữ đi lại một mình, khiến họ khiếp sợ để chiếm đoạt tài sản hoặc nhanh chóng tiếp cận giật lấy tài sản rồi tẩu thoát. Kết quả là bị cáo H đã 04 lần phạm tội, trong đó, có 03 lần một mình thực hiện hành vi, chiếm đoạt được của chị Trần Thị Diễm M 01 sợi dây chuyền vàng được định giá là 9.000.000 đồng; chiếm đoạt của chị Triệu Hồng H2 01 điện thoại loại nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng đồng được định giá 2.816.000 đồng, chiếm đoạt của chị Lê Thị Bích Th 01 điện thoại loại nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng đồng trị giá 2.994.000 đồng và tiền mặt 1.100.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo H còn có 01 lần cùng bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội đối với chị Y H1, chiếm đoạt của chị 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei Honor 9 Lite trị giá 3.932.000 đồng.

[5] Đối với lời khai của bị hại Lê Thị Bích Th về nội dung trong quá trình phạm tội, bị cáo H có hành vi và lời nói đe dọa dùng vũ lực ngay lập tức và sờ mó vào các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể chị. Tuy nhiên, bị cáo H không thừa nhận nội dung này. Ngoài lời khai của chị Th thì không còn chứng cứ nào khác để xác định những nội dung nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc xác định nội dung sự việc theo lời khai nhận của bị cáo như bản cáo trạng nêu là có căn cứ.

[6] Với hành vi và các tình tiết như trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội bị cáo Dương Văn H đối với chị Trần Thị Diễm M và chị Triệu Hồng H2 đã đủ cấu T tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự; hành vi phạm tội của bị cáo H với chị Lê Thị Bích Th và hành vi của 02 bị cáo (H, T) với chị Y H1 đã cấu T tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy truy tố 02 bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chỉ trong một thời gian ngắn (khoảng 6 tuần lễ), bị cáo H đã gây nên 04 vụ án chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Kon Rẫy, huyện Đắk Hà và thành phố Kon Tum. Trong đó, bị cáo T cùng bị cáo H gây ra 01 vụ. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công

dân được pháp luật bảo vệ; gây hoang mang, sợ hãi trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn mới có thể giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Về nhân thân và tính chất, mức độ cũng như vai trò của từng bị cáo trong vụ án và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân: Ngày 21/12/1999, bị cáo Đặng Văn T bị TAND tỉnh Kon Tum xử phạt 9 tháng tù về tội “*Làm nhục người khác*” và 5 năm tù về tội “*Cướp tài sản của công dân*”. Ngày 01/6/2000, Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng y án sơ thẩm. Bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2005, nộp án phí ngày 29/5/2001. Đến lần phạm tội này, bị cáo đã được xóa án tích nhưng đây là một căn cứ để Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân và ý thức pháp luật của bị cáo khi lượng hình.

Về tính chất, mức độ cũng như vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo H đã thực hiện 04 lần phạm tội, bị cáo T 01 lần phạm tội. Như vậy, xét về tổng thể, bị cáo H phải chịu mức hình phạt chung cao hơn bị cáo T mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Bị cáo T phạm tội một lần, là đồng phạm cùng với bị cáo H chiếm đoạt tài sản của chị Y H1. Lần phạm tội này là do T khởi xướng. Trong quá trình chiếm đoạt tài sản của chị Y H1 thì bị cáo T có vai trò tích cực hơn (T xúi giục, chỉ đường cho H lái xe đi, chặn xe Y H1, trực tiếp lấy tài sản. Còn H thì điều khiển xe, hỏi xin tiền Y H1, rút chìa khóa xe máy giúp sức cho T lấy tài sản) nên trong lần phạm tội này, bị cáo T phải chịu mức án cao hơn bị cáo H.

[9] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận các hành vi và quá trình phạm tội như cáo trạng truy tố. Như vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự hiện hành. Riêng bị cáo Dương Văn H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng. Ngoài ra, bị cáo H còn phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự hiện hành.

[10] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển kiểm soát 12F2-8775 và một số đồ dùng cá nhân của 02 bị cáo đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật. Các vật chứng khác của các bị hại thì cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và các bị hại tại phiên tòa như sau:

Bị cáo Dương Văn H bồi thường cho chị Triệu Hồng H2 số tiền 2.816.000 đồng, bồi thường cho chị Lê Thị Bích Th số tiền 4.094.000đ; bồi thường cho chị Trần Thị Diễm M số tiền 5.000.000đ.

Bị cáo Dương Văn H và Đặng Văn T cùng bồi thường cho chị Y H1 số tiền 3.932.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 1.966.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn H phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” và tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 38; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Văn H 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/4/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 171, Điều 38; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Văn H 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/4/2020.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Dương Văn H phải chịu hình phạt chung là 06 (*sáu*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/4/2020.

2. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 28 (*hai mươi tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/4/2020.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 3, các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Dương Văn H bồi thường cho chị Triệu Hồng H2 số tiền 2.900.000đ, bồi thường cho chị Y H1 số tiền 1.966.000 đồng (*một triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*), bồi thường cho chị Lê Thị Bích Th số tiền 4.094.000 đồng (*bốn triệu, không trăm chín mươi bốn ngàn đồng*), bồi thường cho chị Trần Thị Diễm M số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Bị cáo Đặng Văn T bồi thường cho chị Y H1 số tiền 1.966.000 đồng (*một triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm 1, 3 Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

Buộc bị cáo Dương Văn H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 694.000 đồng (*sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Những người nói trên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- CA huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy.
- UBND nơi đăng ký HKTT của bị cáo;
- Bị cáo; bị hại; người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ VA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương Loan